

# GIẢI PHÁP GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG CHO DÂN TỘC THIỂU SỐ: TRƯỜNG HỢP NGHIÊN CỨU ĐỐI VỚI DÂN TỘC LA HA Ở HUYỆN QUỲNH NHAI, TỈNH SƠN LA

Hồ Ngọc Ninh\*, Trương Ngọc Tín, Trần Đình Thao

*Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn, Học viện Nông nghiệp Việt Nam*

\*Tác giả liên hệ: [hnninh@vnua.edu.vn](mailto:hnninh@vnua.edu.vn)

Ngày nhận bài: 23.09.2020

Ngày chấp nhận đăng: 19.10.2020

## TÓM TẮT

Nghiên cứu nhằm đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp giảm nghèo bền vững cho dân tộc La Ha ở huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La. Nghiên cứu đã khảo sát 20 cán bộ thực thi chính sách giảm nghèo cấp huyện và xã, và 120 hộ gia đình gồm hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ thoát nghèo (75 hộ dân tộc La Ha và 45 hộ dân tộc Thái). Kết quả cho thấy, thời gian qua, đã có nhiều chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo được triển khai và đời sống của dân tộc La Ha ở Quỳnh Nhai đã có nhiều cải thiện. Tuy nhiên, tỷ lệ hộ nghèo dân tộc La Ha còn cao (43% năm 2019), đời sống vật chất, tinh thần của dân tộc La Ha còn gặp rất nhiều khó khăn; trình độ dân trí còn rất thấp, tỷ lệ mù chữ còn cao, việc khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân còn nhiều hạn chế. Vì vậy, để giảm nghèo bền vững cho dân tộc La Ha ở tỉnh Sơn La cần thực hiện có hiệu quả và đồng bộ các chính sách liên quan đến cơ sở hạ tầng nông thôn, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất, tiếp cận vốn và hiệu quả sử dụng vốn vay, đào tạo nghề và xuất khẩu lao động, nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông.

Từ khóa: Giải pháp, giảm nghèo, dân tộc La Ha, dân tộc thiểu số.

## Solutions to Sustainable Poverty Reduction for Ethnic Minority: A case study of La Ha Ethnic Minority Group in Quỳnh Nhai District, Sơn La Province

### ABSTRACT

The study aimed to assess the current situation and propose solutions to sustainable poverty reduction for the La Ha ethnic group in Quỳnh Nhai district, Sơn La province. The study surveyed 20 officials in charge of managing and implementing poverty reduction policies at district and commune levels, and 120 households including the poor, near-poor households, and households escaping from poverty (75 La Ha ethnic group households and 45 Thai ethnic group households). It was found that, over the past time, there had been many poverty reduction policies, programs, and projects implemented in ethnic minority and mountainous areas, the life of the La Ha people in Quỳnh Nhai was much improved. However, the proportion of poor households in La Ha ethnic group was still high (43% in 2019), the material and spiritual life of the La Ha ethnic group was still faced with many difficulties; people's intellectual level was still very low, the illiteracy rate was still high, medical examination and treatment and health care for the people were still limited. Therefore, it is necessary to effectively implement the related policies to sustainably reduce poverty for La Ha people in Sơn La province, such as: (1) integrated investment in rural infrastructure; (2) Promotion of the application of scientific and technical advances in production; (3) Improvement of the accessibility and efficiency of concessional loans; (4) promotion of vocational training for rural workers, encouraging startup, labor exportation; (5) raising awareness of the people about the importance of education and improvement of the quality of general education.

Keywords: Solutions, Sustainable poverty reduction, La Ha Ethnic Minority Group.

### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giảm nghèo bền vững cho những người yếu thế, người đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) và miền núi không chỉ là vấn đề riêng của mỗi

quốc gia mà nó còn mang tính toàn cầu. Việt Nam có 54 dân tộc cùng sinh sống, tuy tỷ lệ người DTTS chỉ chiếm 15% nhưng tỷ lệ hộ nghèo đa chiều chiếm hơn 55% tổng số hộ nghèo cả nước. Đến năm 2019, vẫn còn 21% số

người DTTS chưa đọc thông, viết thạo tiếng Việt, tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em DTTS lên đến hơn 32% và có trên 90% các tỉnh vùng đồng bào DTTS phải nhận hỗ trợ từ nguồn ngân sách của Trung ương (Chính phủ, 2019).

Huyện Quỳnh Nhai nằm ở phía Tây Bắc của tỉnh Sơn La. Dân số toàn huyện là 66.168 người (năm 2019) với tỷ lệ đồng bào DTTS chiếm trên 95%. Toàn huyện có 07 dân tộc cùng chung sống, trong đó dân tộc La Ha là nhóm DTTS rất ít người (có số dân dưới 10.000 người) và đang được thụ hưởng các chính sách hỗ trợ đặc thù riêng của Chính phủ như: Quyết định số 2085/QĐ-TTg, Quyết định số 2086/QĐ-TTg năm 2016; và Đề án “Bảo vệ và phát triển các dân tộc dưới 10.000 người theo hướng bình đẳng, đồng đều giữa các dân tộc” của Ủy ban Dân tộc (UBND huyện Quỳnh Nhai, 2020).

Những năm qua, huyện Quỳnh Nhai đã triển khai nhiều chính sách và giải pháp nhằm giảm nghèo cho người dân nói chung, DTTS nói riêng. Tuy nhiên, đời sống của đồng bào dân tộc La Ha vẫn cải thiện chưa được nhiều, tỷ lệ hộ nghèo đa chiều dân tộc La Ha năm 2019 là 43% (cao thứ 2 sau dân tộc Mông). Bên cạnh đó, với dân số ít và sinh sống lâu đời cùng nhiều dân tộc lớn khác (Thái, Mông) nên đồng bào La Ha có sự giao thoa và tiếp thu nhiều nền văn hóa khác nhau. Một số đặc trưng về dân tộc như tiếng nói, trang phục, lễ hội, tập quán sinh hoạt và sản xuất,... đứng trước nguy cơ bị đồng hoá và mai một. Chất lượng dân số bị giảm sút đáng kể do ảnh hưởng của các tệ nạn xã hội và sự tụt hậu, tự ty dân tộc (UBND huyện Quỳnh Nhai, 2020).

Cho đến nay, đã có nhiều nghiên cứu ở trong nước và trên thế giới về giảm nghèo như Van de Walle & Gunewardena (2001), Dong & cs. (2005), Baulch & cs. (2007), Baulch & cs. (2011), Imai & cs. (2011), Pham & cs. (2011), Baulch & cs. (2012), WB (2012), Nguyen (2012), Tuyen (2014), Nguyen & cs. (2017), Alam (2006), Sanfo & cs. (2012), Đặng Kim Sơn & cs. (2012), Đỗ Kim Chung & cs. (2015), Ngô Trường Thi (2014)... Tuy nhiên, các nghiên cứu trước đây chưa tập trung nghiên cứu sâu về thực trạng, nguyên nhân và giải pháp giảm nghèo cho dân tộc La Ha. Vì vậy, nghiên cứu này

nhằm đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp giảm nghèo bền vững cho các hộ nghèo dân tộc La Ha ở huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La.

## 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Thu thập thông tin

Thông tin thứ cấp được thu thập từ hệ thống các văn bản, chính sách liên quan đến giảm nghèo từ cấp trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện, các báo cáo kết quả thực hiện chương trình giảm nghèo của sở, ban ngành, UBND huyện Quỳnh Nhai và các xã được lựa chọn nghiên cứu.

Nghiên cứu lựa chọn khảo sát hai nhóm đối tượng gồm: (1) Tọa đàm và phỏng vấn sâu 20 cán bộ thực thi chính sách giảm nghèo cấp huyện và xã; (2) Phỏng vấn trực tiếp bằng bảng hỏi 120 hộ tại hai xã Nậm Ét và xã Mường Sại, nơi có nhiều đồng bào dân tộc La Ha sinh sống, các tiêu chí chọn hộ theo nhóm dân tộc (75 hộ La Ha và 45 hộ dân tộc Thái) và tình trạng nghèo của hộ.

### 2.2. Phân tích thông tin

Phương pháp thống kê mô tả và phương pháp so sánh được sử dụng chủ yếu trong nghiên cứu nhằm phân tích thực trạng và kết quả thực hiện giải pháp, chương trình giảm nghèo cho các hộ dân tộc La Ha ở huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La. Ngoài ra, phương pháp cho điểm và xếp hạng ưu tiên sử dụng thang đo Likert để đánh giá và xếp hạng ưu tiên các nguyên nhân nghèo của hộ (Thang đo Likert gồm 5 mức từ mức 1- Khó khăn nhất đến mức 5- Ít khó khăn nhất).

## 3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

### 3.1. Thực trạng thực thi các giải pháp và chính sách giảm nghèo cho dân tộc La Ha ở huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La

#### 3.1.1. Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng

Hiện nay, nguồn lực đầu tư cho cơ sở hạ tầng của huyện Quỳnh Nhai được lấy từ Chương trình 135, trong đó ưu tiên đầu tư các công trình

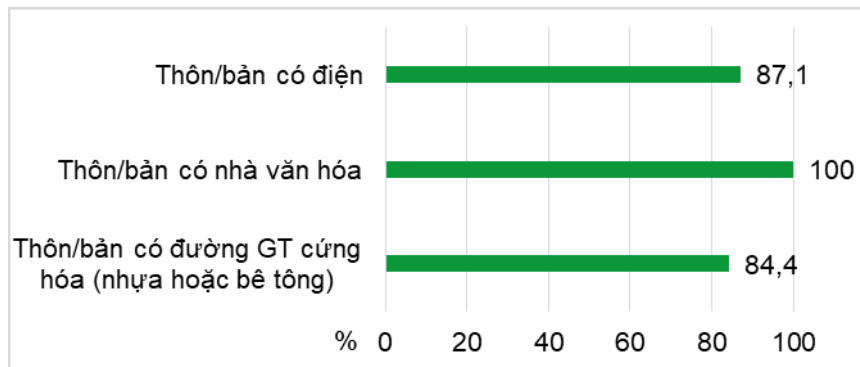
về giao thông, thủy lợi, trường học, y tế... Giai đoạn 2016-2019, huyện triển khai được 154 công trình, với tổng kinh phí hơn 88 tỷ đồng (Bảng 1). Hết năm 2019, tỷ lệ thôn/bản có đường giao thông cứng hóa đạt 84,4%; có nhà văn hóa

đạt 100%; có điện lưới quốc gia đạt hơn 87% (Hình 1). Tuy nhiên, so với nhu cầu, cơ sở hạ tầng ở nhiều thôn, bản có người La Ha sinh sống chưa đáp ứng và cần được tiếp tục đầu tư và nâng cấp trong thời gian tới.

**Bảng 1. Kết quả đầu tư cơ sở hạ tầng từ các chương trình, chính sách giảm nghèo tại Quỳnh Nhai giai đoạn 2016-2019**

Nội dung	ĐVT	Kết quả hỗ trợ	Tỷ lệ (%)
Tổng kinh phí hỗ trợ	Triệu đồng	88.040,5	100,00
Chương trình 30a	Triệu đồng	61.860,0	70,26
Chương trình 135	Triệu đồng	26.180,5	29,74
Số công trình được đầu tư	Công trình	154	-

Nguồn: UBND huyện Quỳnh Nhai (2020).



**Ghi chú:** Điều tra 53 DTTS (2019).

**Hình 1. Tình hình phát triển kết cấu hạ tầng huyện Quỳnh Nhai năm 2019**

**Bảng 2. Thực trạng cơ sở vật chất phục vụ cho sinh hoạt và đời sống của các hộ DTTS khảo sát**

Chỉ tiêu	Hộ DT La Ha (n = 75)		Hộ DT Thái (n = 45)	
	Số lượng (hộ)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (hộ)	Tỷ lệ (%)
<b>Nước sinh hoạt</b>				
Nước giếng đào/khe/mó	67	89,33	45	100,00
Nước khác	8	10,67	0	0,00
<b>Tình trạng nhà vệ sinh</b>				
Nhà vệ sinh tự hoại/bán tự hoại	5	6,67	6	13,33
Hố xí hai ngăn	9	12,00	6	13,33
Không có nhà vệ sinh	61	81,33	33	73,34
<b>Tình trạng sử dụng điện</b>				
Điện lưới	69	92,00	40	88,89
Điện máy phát	0	0,00	3	4,44
Chưa có điện	6	8,00	2	6,67

Hiện nay, hạ tầng về nước sinh hoạt và điện cho vùng dân tộc La Ha cơ bản được đảm bảo. Hầu hết các thôn/bản đã có bể nước sinh hoạt chung và được hỗ trợ ống dẫn nước từ khe/mỏ để sử dụng. Chỉ còn 8% số hộ La Ha chưa có điện do sống rải rác trên núi cao. Tuy nhiên, nhiều hộ không có nhà vệ sinh hoặc chỉ nhà tạm bợ do hạn chế nguồn lực của hộ và một phần do thói quen sinh hoạt của người dân (Bảng 2).

### 3.1.2. Hỗ trợ sản xuất, phát triển kinh tế

Thực trạng tiếp cận các hỗ trợ về sản xuất và cải thiện sinh kế của dân tộc La Ha còn thấp (48%). Nguyên nhân một phần do kinh phí ít, nguồn vốn chậm triển khai, nhưng nguyên nhân chính vẫn là tâm lý lười lao động, không muốn nhận hỗ trợ bằng hiện vật, chỉ muốn nhận tiền. Bên cạnh đó, trên 70% các hộ được hỏi chưa hài lòng do mức hỗ trợ còn thấp, thời gian hỗ trợ chưa kịp thời (mùa vụ) và chất lượng cây giống, con giống chưa đảm bảo (Bảng 3). Thực tế cho thấy, hình thức hỗ trợ theo cá nhân các hộ riêng lẻ khá manh mún, hiệu quả không cao, cần xem

xét để chuyển hình thức hỗ trợ theo nhóm hộ/nhóm cộng đồng.

### 3.1.3. Nhóm giải pháp về tín dụng ưu đãi

Chính phủ đã giao cho Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện các chương trình cho vay ở các huyện, xã như: cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo; cho vay học sinh sinh viên. Kết quả triển khai đến hết năm 2019, huyện đã có 7.194 hộ được vay vốn, với số tiền đã giải ngân hơn 228,4 tỷ đồng (UBND huyện Quỳnh Nhai, 2020).

Đối với dân tộc La Ha, các hộ vay vốn chủ yếu là để sửa chữa nhà cửa, sản xuất và mua sắm tài sản. Cơ bản các hộ đều thiếu vốn và có nhu cầu vay nhưng tỷ lệ hộ vay vốn đạt hơn 85%. Mặc dù các chương trình ưu đãi tín dụng cho hộ nghèo có thủ tục khá đơn giản và lãi suất cho vay thấp, song do hạn chế về tiếp cận thông tin, các hộ e ngại khi vay vốn, cho rằng thủ tục còn rườm rà, lãi suất cao và một số hộ không có tài sản thế chấp (Bảng 4).

**Bảng 3. Tình hình hỗ trợ về sản xuất cho hộ nghèo khảo sát năm 2019**

Chỉ tiêu	Hộ DT La Ha (n = 75)		Hộ DT Thái (n = 45)	
	Số lượng (hộ)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (hộ)	Tỷ lệ (%)
Tổng số hộ được hỗ trợ	36	48,00	28	62,22
Hộ được hỗ trợ bằng hiện vật	13	43,33	20	71,4
Hộ được hỗ trợ bằng tiền	23	56,67	8	28,57
Mức hỗ trợ bình quân (trđ/hộ)	4,45	-	3,35	-
Đánh giá về hỗ trợ	30	100,00	28	100,00
Hỗ trợ phù hợp	7	23,23	18	28,57
Mức hỗ trợ còn thấp	14	46,47	10	35,71
Hỗ trợ không kịp thời	4	13,33	4	14,29
Chất lượng đầu vào chưa tốt	5	16,67	6	21,43

**Bảng 4. Tình hình tiếp cận vốn của hộ nghèo DTTS khảo sát năm 2019**

Nội dung	Hộ DT La Ha (n = 75)		Hộ dân Thái (n = 45)	
	Số ý kiến	Tỷ lệ (%)	Số ý kiến	Tỷ lệ (%)
Số hộ có nhu cầu vay	72	96,00	42	99,33
Số hộ được vay vốn	64	85,33	32	71,11
Lý do các hộ không vay vốn				
Thủ tục vay vốn phức tạp, rườm rà	7	77,78	11	84,62
Lãi suất cao	5	55,56	2	15,38
Không có tài sản thế chấp	5	55,56	9	69,23

**Bảng 5. Kết quả khảo sát nhu cầu hỗ trợ việc làm tại các hộ điều tra năm 2019**

Nội dung	Hộ DT La Ha (n = 75)		Hộ DT Thái (n = 45)	
	SL (hộ)	TL (%)	SL (hộ)	TL (%)
Tình trạng đói nghèo dẫn đến thiếu cơ hội việc làm ổn định	34	45,33	22	48,89
Khó khăn trong sản xuất, sinh hoạt dẫn đến thiếu cơ hội việc làm ổn định	9	12,00	12	26,67
Đề nghị hỗ trợ đào tạo nghề	12	16,00	9	20,00
Đề nghị hỗ trợ giải quyết việc làm	11	14,67	6	13,33

**3.1.4. Hỗ trợ giải quyết việc làm cho người nghèo**

Công tác hỗ trợ việc làm cho người nghèo của huyện được thực hiện qua hai chương trình: hỗ trợ xuất khẩu lao động và tín dụng cho vay giải quyết việc làm. Hiện nay, chưa có lớp tập huấn và dạy nghề riêng mà lồng ghép dạy nghề vào chương trình đào tạo trong các trường giáo dục thường xuyên, thiếu gắn kết với thị trường lao động nên hiệu quả chưa cao. Giai đoạn 2016-2019, huyện đã hỗ trợ cho 5 người đi xuất khẩu lao động, với nguồn vốn cho vay là 300 triệu đồng và hỗ trợ tín dụng giải quyết việc làm cho hơn 280 hộ.

Nhận thức về việc làm của người La Ha hiện nay còn hạn chế. Khảo sát về nhu cầu đào tạo nghề và hỗ trợ việc làm chỉ có dưới 20% số hộ mong muốn được hỗ trợ (Bảng 5). Điều này phản ánh đúng thực trạng tâm lý, trình độ, tập quán của người dân tộc La Ha đã quen với việc phụ thuộc vào sản xuất tự cung, tự túc. Nhận thức về học nghề và tìm kiếm việc làm, tâm lý ngại đi xa và ý thức chấp hành kỷ luật lao động hạn chế, do đó chưa mạnh dạn tiếp cận hỗ trợ việc làm.

**3.1.5. Giải pháp hỗ trợ về nhà ở**

Những năm qua, huyện triển khai nhiều hỗ trợ về nhà ở cho người nghèo như: hỗ trợ nhà ở đại đoàn kết, nhà tình thương, hỗ trợ theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg,... Giai đoạn 2016-2019, đã hỗ trợ làm nhà cho 27 hộ, cho vay tín dụng về nhà ở 36 hộ, với tổng nguồn vốn hơn 1,3 tỷ đồng. Thực tế hiện nay, số lượng các hộ vay vốn tín dụng về nhà ở còn rất ít, lượng vay vốn thấp do e ngại lãi suất và không trả được nợ. Ngoài ra định mức hỗ trợ nhà ở cho người nghèo hiện nay rất

thấp, không phù hợp điều kiện thực tế, cần xem xét điều chỉnh thời gian tới.

Tình trạng nhà ở của các hộ dân tộc La Ha đã có cải thiện, tuy nhiên vẫn còn gần 46% số hộ La Ha phải sống trong các ngôi nhà thiếu kiên cố và đơn sơ (Tổng cục Thống kê, 2020), tỷ lệ này ở các hộ nghèo cao hơn (Hình 2). Mặc dù các hộ có nhà kiên cố và bán kiên cố nhưng thực chất là nhà sàn ở đã lâu năm, được gia cố tu sửa và cải tạo, các kết cấu chính vẫn chưa đảm bảo kiên cố theo quy định.

**3.1.6. Hỗ trợ tiếp cận các dịch vụ xã hội**

*a. Tiếp cận về giáo dục*

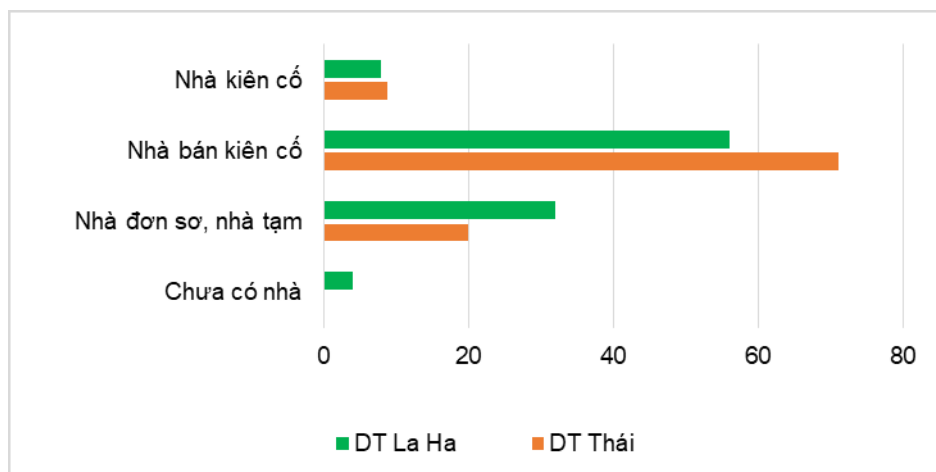
Hiện nay, trình độ giáo dục phổ thông của người La Ha được cải thiện nhiều. Tỷ lệ người đi học mẫu giáo và tiểu học là gần 100%, cấp trung học cơ sở gần 92% và trung học phổ thông hơn 35% (Tổng cục Thống kê, 2020). Như vậy, càng lên cao, tỷ lệ học sinh đi học càng thấp dần do nhiều nguyên nhân như: phải ở nhà giúp bố mẹ do thiếu lao động; học lực kém dẫn tới bỏ học; hoặc ở nhà để lấy vợ, lấy chồng. Tuy nhiên, nguyên nhân chính vẫn là do người dân chưa nhận thức được vai trò quan trọng của giáo dục - đào tạo.

Số hộ dân tộc La Ha được nhận hỗ trợ về giáo dục là hơn 61%, số hộ còn lại trả lời không nhận được hỗ trợ. Một số hộ do không thuộc diện hộ nghèo, hoặc không có ai trong độ tuổi đi học, đã bỏ học, hoặc có người không rõ con mình có được nhận hỗ trợ về giáo dục hay không (Bảng 8). Gần 1/3 số hộ đánh giá định mức của chính sách hỗ trợ giáo dục hiện nay chưa hợp lý và nguyện vọng muốn được hỗ trợ nhiều hơn về chi phí học tập.

**Bảng 6. Kết quả chính sách về hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo tại huyện Quỳnh Nhai giai đoạn 2016-2019**

Nội dung	Kinh phí thực hiện (triệu đồng)	Số hộ được hỗ trợ (hộ)
Hỗ trợ làm nhà mới	340	14
Hỗ trợ sửa chữa nhà	93,8	13
Hỗ trợ vay vốn tín dụng về nhà ở	900	36
Tổng	1333,8	63

Nguồn: UBND huyện Quỳnh Nhai (2020).



**Hình 2. Kết quả khảo sát tình trạng nhà ở tại các hộ DTTS điều tra năm 2019**

**Bảng 7. Kết quả thực thi chính sách hỗ trợ giáo dục cho hộ nghèo tại huyện Quỳnh Nhai giai đoạn 2016-2019**

Nội dung	ĐVT	Kinh phí thực hiện	Số học sinh được hỗ trợ (người)
Hỗ trợ học sinh nghèo, cận nghèo (theo ND 86/ND-CP)	Triệu đồng	7.543,0	50.271
Trợ cấp tiền ăn cho học sinh bán trú	Triệu đồng	25.854,0	8.975
Hỗ trợ cho học sinh DTTS rất ít người (theo ND 57/ND-CP)	Triệu đồng	3.851,8	1.516
Hỗ trợ gạo cho học sinh	Tấn	773,1	9.664

Nguồn: UBND huyện Quỳnh Nhai (2020).

**Bảng 8. Thực trạng tiếp cận hỗ trợ giáo dục của các hộ DTTS ở huyện Quỳnh Nhai năm 2019**

Nội dung	Hộ DT La Ha (n = 75)		Hộ DT Thái (n = 45)	
	Số lượng (hộ)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (hộ)	Tỷ lệ (%)
Số hộ được nhận hỗ trợ giáo dục	46	61,33	24	53,33
Hỗ trợ bằng tiền	46	100,00	22	91,67
Hỗ trợ bằng hiện vật	0	0,00	2	8,33
Đánh giá của hộ về chính sách				
Chính sách hỗ trợ phù hợp	32	69,57	13	54,17
Định mức hỗ trợ thấp	14	30,43	11	45,83

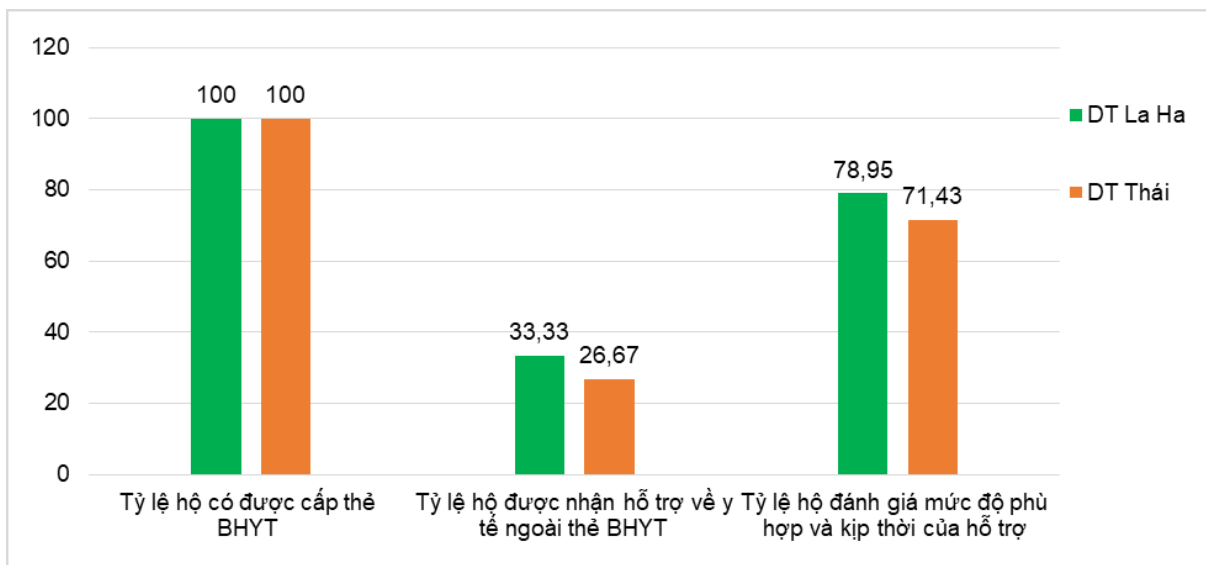
**b. Tiếp cận về y tế**

Trong giai đoạn 2016-2019, huyện Quỳnh Nhai đã thực hiện rà soát, cấp phát thẻ bảo hiểm y tế (BHYT) cho người nghèo theo Quyết định số 139/2002/QĐ-TTg cho 214.788 lượt người, với tổng kinh phí hơn 91,2 tỷ đồng. Cơ bản các xã đều đã có trạm y tế, song việc thực hiện các dịch vụ kỹ thuật tại một số trạm y tế còn hạn chế do chưa đủ trang thiết bị. Các thôn/bản hiện nay đều đã có y tế thôn bản, nhưng do phong tục tập quán lạc hậu, sống xa trung tâm y tế, nên vẫn có hiện tượng khi ốm đau người dân vẫn duy trì việc cúng bái, chữa trị theo kinh nghiệm dân gian dẫn đến tỷ lệ tử vong cao.

Đối với người dân tộc La Ha, công tác chăm sóc sức khỏe những năm qua cũng được quan tâm nhiều, 100% số hộ được khảo sát đều có thẻ BHYT, nhiều hộ dân được hỗ trợ về chi phí đi lại, ăn ở khi khám chữa bệnh. Tuy nhiên, chỉ gần 79% số hộ đánh giá những hỗ trợ về y tế là phù hợp và kịp thời. Nguyên nhân một phần do nguồn lực còn hạn chế nên mức hỗ trợ còn thấp, nhiều loại dịch vụ tính phí do không nằm trong danh mục hỗ trợ đã tạo tâm lý e ngại khi đi khám chữa bệnh. Ngoài ra, một số hộ không đi khám chữa bệnh là do nhà xa, đường đi lại khó khăn.

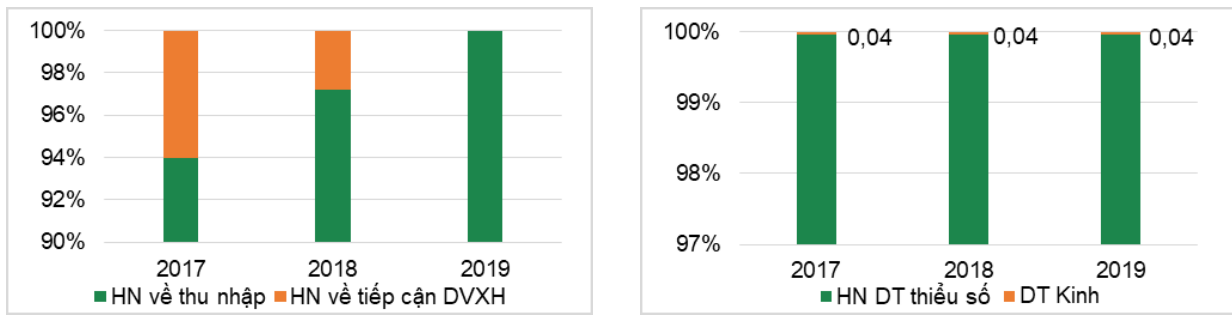
**3.1.7. Chính sách hỗ trợ đặc thù cho đồng bào dân tộc La Ha**

Tỉnh Sơn La có Quyết định 2477/QĐ-UBND ngày 20/9/2017 về đề án hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội dân tộc La Ha giai đoạn 2017-2025. Kinh phí cấp cuối năm 2018 và bắt đầu thực hiện từ năm 2019 với 4 nội dung: (i) Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp hoàn thiện kết cấu cơ sở hạ tầng; (ii) Hỗ trợ phát triển sản xuất; (iii) Hỗ trợ bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống; (iv) Đào tạo và sử dụng cán bộ người dân tộc, xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở. Tổng kinh phí đã thực hiện năm 2019 được 29.914 triệu đồng đạt 61,3% tổng vốn giao. Năm 2020, tỉnh Sơn La được phân bổ vốn là 33.312 triệu đồng, phân bổ vốn đầu tư cơ sở hạ tầng như công trình giao thông, nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng cho các bản có dân tộc La Ha (Nguyễn Hoàng, 2020). Kết quả đã có 1.000 hộ được nhận hỗ trợ vật nuôi, máy móc; 2.000 hộ được hỗ trợ xây dựng chuồng trại; 336 hộ được hỗ trợ tiêm vacxin cho gia súc; 347 hộ được hỗ trợ cải tạo ao và lồng bè nuôi cá; Tập huấn nâng cao kiến thức sản xuất và tham quan mô hình cho 2875 lượt người; và tổ chức 4 lớp dạy tiếng La Ha (UBND huyện Quỳnh Nhai, 2019).



**Hình 3. Kết quả khảo sát về tiếp cận hỗ trợ y tế của các hộ năm 2019**

Giải pháp giảm nghèo bền vững cho dân tộc thiểu số: Trường hợp nghiên cứu đối với dân tộc La Ha ở huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La

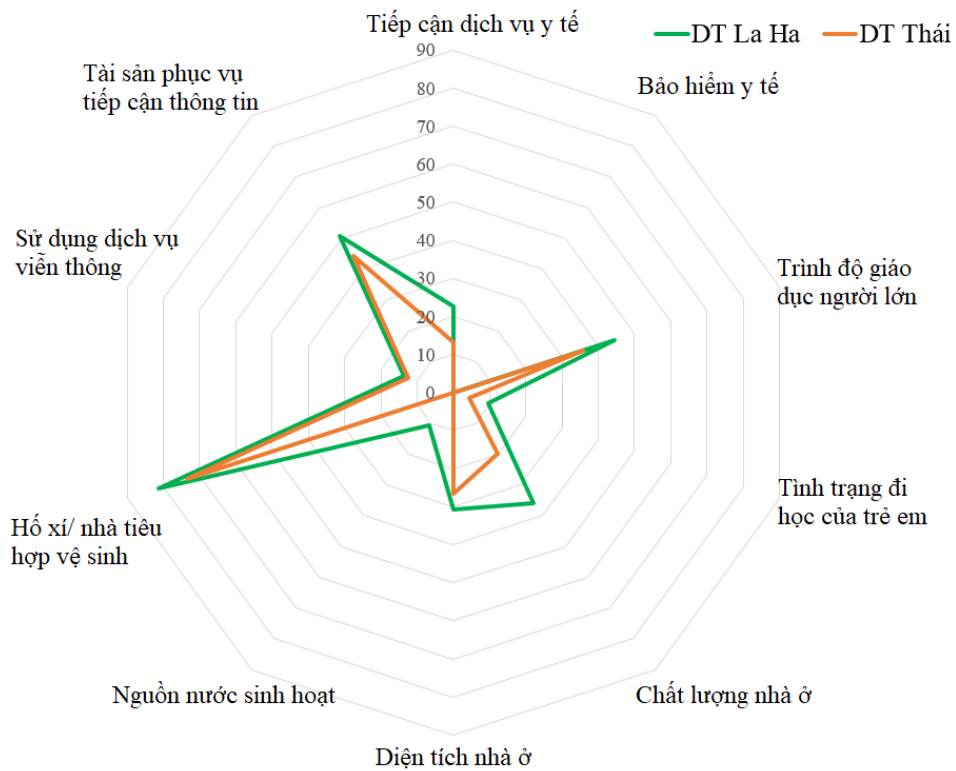


Cơ cấu hộ nghèo theo tiếp cận đa chiều

Cơ cấu hộ nghèo theo nhóm DT đa số/thiểu số

Nguồn: Phòng LĐTB&XH huyện Quỳnh Nhai (2020).

Hình 4. Cơ cấu hộ nghèo theo nhóm đối tượng ở huyện Quỳnh Nhai giai đoạn 2017-2019



Hình 5. Mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của dân tộc La Ha tại huyện Quỳnh Nhai năm 2019

Năm 2019 UBND huyện Quỳnh Nhai phối hợp cùng Ban dân tộc tỉnh theo công văn số 223/BDT xây dựng Đề án “Bảo vệ và phát triển các dân tộc dưới 10.000 người theo hướng bình đẳng, đồng đều giữa các dân tộc giai đoạn 2020-2030”. Thực hiện quyết định 2085/QĐ-TTg, huyện hỗ trợ cho vay vốn từ Ngân hàng Chính sách xã hội. Năm 2018 cho 408 hộ vay và năm 2019 cho

530 hộ, mức vay trung bình mỗi hộ 50 triệu đồng. Thực hiện quyết định 2086/QĐ-TTg, giai đoạn 2017-2020, nhu cầu vốn thực hiện là: 65.688 triệu đồng. Đến tháng 4/2019, huyện đã xây dựng kế hoạch, lập dự án để hỗ trợ cho 379 hộ với tổng kinh phí 4.604,4 triệu đồng. Các chương trình khác chưa được thực hiện do chưa được phê duyệt nguồn vốn. Tuy nhiên, các chính sách đặc thù



chưa thực sự có tính đột phá, nguồn lực hạn chế, cấp vốn chậm, và còn chồng chéo về đối tượng, nội dung và địa bàn với các chính sách khác.

### 3.2. Kết quả giảm nghèo và nguyên nhân nghèo của dân tộc La Ha ở huyện Quỳnh Nhai

#### 3.2.1. Kết quả giảm nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện giảm 7,26% trong giai đoạn 2017-2019, năm 2019 chỉ còn 16,8% hộ nghèo. Nhờ có các hỗ trợ về mọi mặt trong đời sống (giáo dục, y tế, vệ sinh, nước sạch,...) xu hướng nghèo hiện nay đang dịch chuyển từ nghèo tiếp cận dịch vụ xã hội sang nghèo về thu nhập. Tuy nhiên, tỷ lệ nghèo là người DTTS vẫn còn rất cao, chiếm 99,96% (Hình 4).

Kết quả giảm nghèo giai đoạn 2017-2019 của huyện giảm 0,3% (Bảng 9). Hơn 43% người dân tộc La Ha thuộc diện hộ nghèo, đứng thứ 2 sau dân tộc Mông (tỷ lệ nghèo 53%). Mức độ

thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cao nhất ở các chỉ tiêu: Hồ xí/nhà tiêu hợp vệ sinh (81,33%); Tài sản tiếp cận thông tin (50,67%) và trình độ giáo dục của người lớn (44,44%) (Hình 5).

#### 3.2.2. Nguyên nhân nghèo của các hộ dân tộc La Ha

Theo đánh giá của các hộ khảo sát thì khó khăn nhất hiện nay là thiếu vốn đầu tư sản xuất và kinh doanh dẫn đến tình trạng nghèo kinh niên. Tuy nhiên, quan điểm của các cán bộ cho rằng tâm lý trông chờ, ỷ lại vào các hỗ trợ của nhà nước, không phấn đấu vươn lên mới là nguyên nhân quan trọng nhất khiến các hộ chưa thể thoát nghèo. Trình độ học vấn ở các hộ còn thấp nên ảnh hưởng nhiều đến nhận thức, khả năng tiếp cận khoa học kỹ thuật và tiếp cận thị trường. Nhiều hủ tục lạc hậu (tảo hôn, kết hôn cận huyết,...) và các tệ nạn xã hội (ma túy, HIV,...) khiến chất lượng dân số ngày càng giảm sút, suy thoái giống nòi, tự ti dân tộc.

**Bảng 9. Kết quả giảm nghèo của dân tộc La Ha tại huyện Quỳnh Nhai giai đoạn 2017- 2019**

Chỉ tiêu	2017		2018		2019	
	SL (hộ)	TL (%)	SL (hộ)	TL (%)	SL (hộ)	TL (%)
Tổng số hộ	460	100,00	446	100,00	458	100,00
Số hộ nghèo	196	42,61	195	43,72	197	43,01
Số hộ cận nghèo	44	9,57	57	12,78	57	12,45
Số hộ thoát nghèo	17	8,59	27	13,77	33	16,9

Nguồn: Phòng LĐTB&XH huyện Quỳnh Nhai, 2020.

**Bảng 10. Đánh giá của hộ và cán bộ về các nguyên nhân nghèo của dân tộc La Ha ở huyện Quỳnh Nhai**

Chỉ tiêu	Đánh giá của các hộ (n = 120)				Đánh giá của cán bộ (n = 20)	
	DT La Ha		Dân tộc Thái		Điểm trung bình	Xếp hạng ưu tiên
	Điểm trung bình	Xếp hạng ưu tiên	Điểm trung bình	Xếp hạng ưu tiên		
Thiếu đất sản xuất	1,49	2	1,62	2	1,80	5
Thiếu vốn	1,44	1	1,29	1	1,75	4
Sản xuất manh mún, thiếu kiến thức kỹ thuật và tổ chức sản xuất	-	-	2,10	5	1,67	3
Cơ sở hạ tầng sản xuất còn hạn chế	1,90	4	-	-	1,60	2
Điều kiện tự nhiên khắc nghiệt	1,51	3	1,83	3	-	-
Tâm lý ỷ lại và trông chờ vào hỗ trợ của Nhà nước	2,06	5	2,08	4	1,57	1

Ghi chú: \* 5 mức đánh giá xếp hạng ưu tiên từ mức 1 - Khó khăn nhất đến mức 5 - Ít khó khăn nhất.

### 3.3. Một số giải pháp nhằm giảm nghèo bền vững cho các hộ dân tộc La Ha trên địa bàn huyện Quỳnh Nhai

*Về cơ sở hạ tầng:* Tập trung nguồn lực đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng nông thôn vùng dân tộc La Ha như: đường giao thông, trường học, trạm y tế, chợ, nước sạch, vệ sinh, thông tin,... tránh tình trạng đầu tư dàn trải, thiếu hiệu quả và thiếu đồng bộ.

*Về hỗ trợ sản xuất:* Đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ khoa học trong sản xuất nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi cho phù hợp lợi thế của địa phương để nâng cao năng suất, các hộ trợ nên chuyển theo nhóm hộ/cộng đồng. Tăng cường các hoạt động quảng bá, tiếp cận thị trường, phát triển các sản phẩm bản địa có lợi thế gắn với chuỗi giá trị như lợn đen, gà, cá sông. Khắc phục tình trạng thiếu đất sản xuất.

*Về tín dụng ưu đãi:* Đa dạng hóa các chương trình cho vay giúp các hộ nghèo dân tộc La Ha dễ dàng tiếp cận các nguồn vốn. Ngân hàng Chính sách Xã hội phối hợp chặt chẽ hơn với các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương (hội Phụ nữ, Hội Nông dân,...), phát huy hình thức cho vay thông qua các tổ nhóm tín dụng tiết kiệm thôn bản để nâng cao khả năng tiếp cận vốn và hiệu quả sử dụng vốn.

*Về hỗ trợ việc làm, đào tạo nghề:* Đổi mới đào tạo nghề, nâng cao năng lực sản xuất cho lao động người dân tộc La Ha, chú trọng lĩnh vực phi nông nghiệp. Thực hiện chương trình đào tạo nghề mở rộng cho đối tượng thanh niên, khuyến khích thực hiện các dự án khởi nghiệp, xây dựng mô hình giảm nghèo gắn với lợi thế của địa phương. Hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ lao động người dân tộc La Ha di cư đi làm tại các vùng phi nông nghiệp, xuất khẩu lao động.

*Về nhà ở:* Nâng định mức hỗ trợ từ ngân sách và hỗ trợ tín dụng về nhà ở cho các hộ dân tộc La Ha. Tập trung ưu tiên hỗ trợ trước cho những hộ đang sống ở rìa sông, trên vách núi, vùng không có đất nền. Gắn hỗ trợ nhà ở với công tác di dân để đưa người dân ra khỏi những địa bàn có nhiều rủi ro, quy hoạch thành thôn/bản để tập trung nguồn lực phát triển cơ sở hạ tầng.

*Về y tế:* Nâng cao nhận thức khám chữa bệnh cho đồng bào dân tộc La Ha, tránh tình trạng mê tín dị đoan, chữa bệnh theo hủ tục lạc hậu. Tăng cường đầu tư hạ tầng, trang thiết bị y tế và nâng cao năng lực cán bộ y tế địa phương, phát triển nguồn nhân lực tại chỗ.

*Về giáo dục:* Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của giáo dục trong giảm nghèo và ý thức thoát nghèo cho đồng bào dân tộc La Ha. Mở rộng dạy học song ngữ và cải thiện hệ thống giáo dục cả về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên đến các chương trình học.

*Về cơ chế, chính sách:* Hoàn thiện các chương trình, chính sách giảm nghèo theo hướng tích hợp, hạn chế nhiều đầu mối, tránh chồng chéo để tập trung nguồn lực và nâng cao hiệu quả giảm nghèo.

## 4. KẾT LUẬN

Những năm qua, huyện Quỳnh Nhai đã tích cực triển khai có hiệu quả các chương trình, chính sách giảm nghèo, qua đó tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống còn 16,8% năm 2019, đời sống nhân dân được cải thiện đáng kể. Tuy nhiên, nhiều chính sách hỗ trợ đặc thù giảm nghèo cho dân tộc La Ha vẫn còn thiếu nguồn kinh phí và chậm triển khai khiến cho tỷ lệ hộ nghèo vẫn còn cao (43% năm 2019) và có xu hướng tăng dần qua các năm. Mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cao nhất ở các chỉ tiêu: hồ xí/nhà tiêu hợp vệ sinh, tài sản tiếp cận thông tin và trình độ giáo dục của người lớn. Để góp phần giảm nghèo bền vững cho dân tộc La Ha trên địa bàn huyện Quỳnh Nhai cần thực hiện một số giải pháp sau: (1) Huy động nguồn lực đầu tư đồng bộ cơ sở hạ tầng nông thôn; (2) Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất; (3) Nâng cao khả năng tiếp cận và hiệu quả sử dụng vốn vay ưu đãi; (4) Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, khuyến khích khởi nghiệp, xuất khẩu lao động; (5) Nâng cao mức hỗ trợ về nhà ở, quy hoạch lại cụm dân cư nông thôn; (6) Nâng cao năng lực cán bộ y tế cơ sở, nâng cao ý thức của dân về sử dụng BHYT và khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế; (7) Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của giáo dục

và nâng cao chất lượng giáo dục trung học phổ thông; (8) Hoàn thiện các chính sách, chương trình giảm nghèo theo hướng tích hợp, giảm đầu mối quản lý và tập trung các nguồn lực đầu tư.

## LỜI CẢM ƠN

Nhóm tác giả xin được cảm ơn Ủy ban Dân tộc đã tài trợ kinh phí cho hoạt động nghiên cứu của bài báo này và của đề tài cấp quốc gia “Giải pháp cơ bản nhằm giảm nghèo bền vững vùng DTTS và miền núi đến năm 2030”, mã số đề tài CTDT.43.18/16-20, thuộc chương trình CTDT/16-20.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Alam K.R. (2006). Ganokendra: An Innovative Model for Poverty Alleviation in Bangladesh. *Review of Education*. 52: 343-352.
- Baulch B., Chuyen T.K., Haughton D. & Haughton J. (2007). Ethnic minority development in Vietnam, *The Journal of Development Studies*. 43(7): 1151-1176.
- Baulch B., Hoa N.T.M., Phuong N.T. & Hung P.T. (2011). Ethnic minority poverty in Vietnam, In N. Thang (Ed), *Poverty vulnerability and social protection in Vietnam*. Vietnam Academy of Social Sciences. Selected issues: 101-165.
- Baulch B., Pham H.T. & Reilly B. (2012). Decomposing the ethnic gap in rural Vietnam, 1993-2004, *Oxford Development Studies*. 40(1): 87-117. DOI: 10.1080/13600818.2011.646441.
- Chính phủ (2019). Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn giai đoạn 2021-2030.
- Đặng Kim Sơn, Thái Thị Minh & Phạm Thị Hồng Vân (2012). Rà soát, phân tích các chính sách DTTS và hỗ trợ xây dựng hệ thống chính sách cho Ủy ban Dân tộc đến 2020. Báo cáo kết quả nghiên cứu đề tài cấp bộ.
- Đỗ Kim Chung, Kim Thị Dung, Lưu Văn Duy & Lê Thị Thu Hương (2015). Ảnh hưởng của một số yếu tố đến giảm nghèo vùng Tây Bắc. *Tạp chí Kinh tế & Phát triển*. 222(2): 32-43.
- Dong H.S., Vinh N.T. & Lan C.N. (2005). Report on main challenges in growth and poverty reduction in the Northern mountain region of Vietnam. Evaluation report of the Development Strategy Institute, Ministry of Planning and Investment. Hanoi.
- Imai K.S., Gaihe R. & Kang W. (2011). Poverty, inequality and ethnic minorities in Vietnam. *International Review of Applied Economics*. 25(3): 249-282.
- Ngô Trường Thi (2014). Đánh giá công tác giảm nghèo đối với vùng DTTS và định hướng chính sách giảm nghèo vùng đồng bào DTTS giai đoạn tới. Kỳ yếu hội thảo quốc tế “Phát triển bền vững và xóa đói giảm nghèo cho đồng bào dân tộc thiểu số ở các tỉnh miền núi”.
- Nguyen C.V. (2012). Ethnic minorities in Northern Mountains of Vietnam: poverty, income and assets. MPRA Working Paper.
- Nguyen C.V., Tran T Q. & Van Vu H. (2017). Ethnic Minorities in Northern Mountains of Vietnam: Employment, Poverty and Income. *Soc Indic Res*. 134: 93-115.
- Nguyễn Hoàng (2020). Những kết quả bước đầu đạt được trong việc thực hiện chính sách cho đồng bào dân tộc La Ha tại tỉnh Sơn La. Truy cập từ <https://sonla.gov.vn/4/469/63579/569754/thong-tin-tu-so-nganh-dia-phuong/nhung-ket-qua-buoc-dau-dat-duoc-trong-viec-thuc-hien-chinh-sach-cho-dong-bao-dan-toc-la-ha-tai-t>, ngày 28/8/2020.
- Pham H., Le T. & Nguyen C. (2011). Poverty of the ethnic minorities in Vietnam: Situation and challenges from the P135-II communes. Research report for State Committee for Ethnic Minority Affairs of Vietnam and United Nations Development Program, Hanoi, Vietnam.
- Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện Quỳnh Nhai (2020). Báo cáo kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo các năm 2017, 2018, 2019.
- Sanfo S. & Gérard F. (2012). Public Policies for Rural Poverty Alleviation: The Case of Agricultural Households in the Plateau Central Area of Burkina Faso. *Agricultural Systems*. 110: 1-9.
- Tổng cục Thống kê (2020). Kết quả điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019.
- UBND huyện Quỳnh Nhai (2019). Báo cáo phối hợp xây dựng Đề án Bảo vệ và phát triển các dân tộc dưới 10.000 người theo hướng bình đẳng, đồng đều giữa các dân tộc trong giai đoạn 2020-2030.
- UBND huyện Quỳnh Nhai (2020). Báo cáo tổng kết Chương trình mục tiêu Quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020.
- Van de Walle D & Gunewardena D. (2001). Sources of ethnic inequality in Vietnam. *Journal of Development Economics*. 65(1): 177-207.
- WB (2012). 2012 Vietnam poverty assessment - Well begun, not yet done: Vietnam's remarkable progress on poverty reduction and the emerging challenges. Washington DC: The World Bank.